

Tổ chức và hoạt động của khu kỹ nghệ Tây Đô dưới chế độ Việt Nam Cộng hòa (1968-1975)

Phạm Thúc Sơn *



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

TÓM TẮT

Chính sách phát triển khu kỹ nghệ được chính quyền Việt Nam Cộng hòa ban hành năm 1963. Tại miền Tây Nam Phần, sau biến cố Tết Mậu Thân 1968, đối diện với nhiều khó khăn nên chính quyền Việt Nam Cộng hòa cho thiết lập khu kỹ nghệ Tây Đô và kỳ vọng sẽ thúc đẩy sự phát triển toàn diện kinh tế - xã hội ở Tây Nam Phần nói riêng và Việt Nam Cộng hòa nói chung. Chính quyền Việt Nam Cộng hòa đã tiến hành khảo sát và lựa chọn địa điểm xây dựng khu kỹ nghệ Tây Đô. Đồng thời lập quy hoạch, giải tỏa mặt bằng và tổ chức đối thoại các nhà kỹ nghệ cũng như chuyên gia để thiết lập một quy trình cho sự ra đời của khu kỹ nghệ Tây Đô. Quá trình tổ chức và hoạt động của khu kỹ nghệ Tây Đô đã thu hút một lượng lao động nhất định vào tại các công ty, xí nghiệp để lao động. Việc xây dựng khu kỹ nghệ Tây Đô cũng đã thúc đẩy quá trình xây dựng cơ sở hạ tầng qua đó tạo ra diện mạo mới cho vùng Tây Nam Bộ. Tuy nhiên, do tình hình chiến sự ngày càng gia tăng và phụ thuộc vào viện trợ để hoạt động nên vị thế của khu kỹ nghệ Tây Đô chưa đạt như kỳ vọng của chính quyền Việt Nam Cộng hòa. Qua tổ chức và hoạt động của khu kỹ nghệ Tây Đô, bản chất chính sách phát triển khu kỹ nghệ vẫn không nằm ngoài quỹ đạo nhằm thực hiện mục tiêu về chính trị và chiến lược của chính quyền Việt Nam Cộng hòa.

Từ khóa: Khu kỹ nghệ Tây Đô, Sonadezi, Tây Nam Phần, Việt Nam Cộng hòa

ĐẶT VẤN ĐỀ

Không chỉ dốc sức giúp gia đình họ Ngô kiến tạo chính thể Việt Nam Cộng hòa (VNCH), Mỹ còn không ngừng tăng cường viện trợ tiền của để thiết lập hạ tầng kinh tế miền Nam Việt Nam trong quỹ đạo chủ nghĩa tư bản. Thông qua đó, trong hai mươi năm dưới chính thể VNCH, nền kinh tế Nam Việt Nam từng bước có những chuyển biến tích cực theo hướng kỹ nghệ hóa - hiện đại hóa. Nền công nghiệp của Nam Việt Nam đã hơn hẳn nhiều mặt so với công nghiệp dưới thời Pháp thuộc, cả về số lượng, quy mô sản xuất, vốn và nhân công. Rõ ràng, kinh tế nói chung, công nghiệp nói riêng của VNCH ngày càng có vị thế quan trọng, tuy nhiên cũng đang phải đối mặt với nhiều thách thức về thời cuộc, đặc biệt là về tình trạng sản xuất lạc hậu và thiếu nguồn vốn đầu tư. Nhằm vượt qua trở ngại, phát huy vai trò nòng cốt trong hệ thống kinh tế mang tính chất tư bản năng động, chính quyền VNCH đã ban hành chính sách kỹ nghệ hóa, đẩy mạnh việc thành lập và phát triển các khu kỹ nghệ trên khắp các khu vực thuộc lãnh thổ Nam Việt Nam. Riêng tại Tây Nam Phần, chính quyền VNCH cụ thể hóa chương trình kỹ nghệ hóa này bằng việc triển khai thiết lập khu kỹ nghệ Tây Đô. Bài viết tập trung phân tích và diễn giải quá trình tổ chức và hoạt động của khu kỹ nghệ Tây Đô từ năm 1968 đến 1975.

NỘI DUNG CHÍNH

Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở tiếp cận nguồn tài liệu từ Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu của chuyên ngành khoa học lịch sử là phương pháp lịch sử và phương pháp logic để nghiên cứu và làm rõ vấn đề. Phương pháp lịch sử nhằm khắc họa, tái hiện lại một cách chân thực tổ chức và hoạt động của khu kỹ nghệ Tây Đô của chính quyền VNCH. Tổ chức và hoạt động của khu kỹ nghệ Tây Đô (1968-1975) được trình bày một cách khách quan, chân thực theo tiến trình để độc giả có hình dung đầy đủ, toàn diện về vấn đề lịch sử; Phương pháp logic nhằm đặt vị thế của khu kỹ nghệ Tây Đô trong chính sách phát triển kỹ nghệ của chính quyền VNCH. Qua đó, đánh giá vị thế, kết quả và tác động khu kỹ nghệ Tây Đô trong chính sách kỹ nghệ của VNCH cũng như vị thế của vấn đề trong sự phát triển đối với chính thể VNCH. Đồng thời, để trình bày kết quả và đánh giá hoạt động của khu kỹ nghệ chính quyền VNCH (1968-1975). Bài viết sử dụng kết hợp phương pháp phân tích - tổng hợp nhằm phân tích, đánh giá kết quả theo từng vấn đề, lý giải khách quan. Sau đó, khái quát, tổng hợp những điều đã phân tích từ đó đưa ra đánh giá chung nhằm làm rõ những ý nghĩa và tác động của vấn đề. Phương pháp so sánh được sử dụng để so sánh đối chiếu hệ thống

Trường Đại học Thủ Dầu Một, Việt Nam

Liên hệ

Phạm Thúc Sơn, Trường Đại học Thủ Dầu Một, Việt Nam

Email: sonpt@tdmu.edu.vn

Lịch sử

- Ngày nhận: 26-10-2024
- Ngày sửa đổi: 31-12-2024
- Ngày chấp nhận: 13-6-2025
- Ngày đăng: 06-11-2025

DOI:

<https://doi.org/10.32508/stdjssh.v9i4.1075>



Check for updates

Bản quyền

© ĐHQG Tp.HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Trích dẫn bài báo này: Sơn P.T. **Tổ chức và hoạt động của khu kỹ nghệ Tây Đô dưới chế độ Việt Nam Cộng hòa (1968-1975).** *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.* 2025; 9(4):3164-3174.

các quan điểm trên cơ sở các nguồn tư liệu và tài liệu nghiên cứu. Từ đó rút ra những đánh giá, kết luận về vấn đề nghiên cứu và vấn đề có liên quan đến vấn đề nghiên cứu. Việc sử dụng cách tiếp cận và hệ thống phương pháp nghiên cứu chuyên ngành và liên ngành trên giúp cho việc chứng minh, lý giải, kết luận vấn đề rõ ràng, tường minh và thuyết phục hơn.

Kết quả nghiên cứu

Sự thành lập khu kỹ nghệ Tây Đô

Thị xã Cần Thơ “có dân số 438.000 người (1968), trong đó 80% sống về hoạt động kinh tế nông nghiệp. Phần lớn người dân đều tập trung ở vùng nông thôn” [1, tr.1]. Theo quan điểm của chính quyền VNCH, từ năm 1967, vì tình hình an ninh ở nông thôn không được ổn định và nhất là sau ảnh hưởng của cuộc tấn công vào Tết Mậu Thân 1968 của lực lượng cách mạng, người dân sinh sống ở nông thôn bỏ ruộng rẫy, nhà cửa để di cư về các đô thị sinh sống ngày càng gia tăng. Nhưng “từ năm 1954 -1968, Mỹ đã lần lượt tiến hành chiến tranh một phía, chiến lược chiến tranh đặc biệt và chiến lược chiến tranh cục bộ mà bối cảnh chung là: từ chủ động, Mỹ và chính quyền VNCH đã phải bị động đối phó với sự phát triển cách mạng miền Nam, thay đổi chiến lược chiến tranh để tăng cường sức mạnh, mở rộng và phải leo thang chiến tranh, thúc đẩy mục tiêu chống phá cách mạng, tiêu diệt lực lượng và phong cách mạng, thực hiện chủ nghĩa thực hiện mới ở miền Nam” [2, tr.20]. Kết hợp với các cuộc tấn công càn quét các địa bàn ở Tây Nam Bộ, Mỹ và chính quyền VNCH còn tiến hành các chương trình khác nhau để bình định miền Nam nói chung và Tây Nam Bộ nói riêng. “Đầu tiên là chương trình “Tổ cộng, diệt cộng” ra đời ngày 7-7-1955. “Kết hợp với chương trình “Tổ cộng”, từ năm 1955- 1959 chính quyền VNCH cũng đồng thời đưa ra các chương trình về kinh tế - xã hội, như: “Cải cách điền địa” (tháng 2 năm 1955), lập khu đồn, trại tập trung và đặc biệt là xây dựng các “Đình điền” (1957-1958), “Khu trù mật” (1959-1960). Bằng những hình thức đó, chính quyền VNCH muốn sử dụng các vấn đề điền địa, tổ chức chính trị, khai hoang lập ấp, định cư, đồng tiến xã hội... để giành dân và đẩy lùi ảnh hưởng của cách mạng trong dân chúng ở miền Nam” [2, tr.22]. Sau đó, khi tiến hành chiến lược “chiến tranh đặc biệt” đưa người dân vào các “ấp chiến lược” để tách người dân ra khỏi lực lượng cách mạng, Mỹ và chính quyền VNCH đã tiến hành các chiến dịch càn quét lực lượng cách mạng ở hầu khắp các địa phương, khắp các địa bàn chiến lược ở Tây Nam Phần. Đồng thời, các chương trình kinh tế - xã hội để bình định kiểm soát người dân các tỉnh Tây Nam Bộ để o ép, bức bách

người dân tại các vùng nông thôn đó mới là nguyên nhân chính đến sự biến động dân cư. Vì vậy, quá trình biến động dân cư không phải là một hiện tượng đơn thuần như chính quyền VNCH miêu tả là hệ quả của Cuộc tổng tiến Tết Mậu Thân và hệ lụy của nó, mà hiện tượng biến động dân cư là hậu quả của một quá trình bình định kiểm soát trước đó của Mỹ và chính quyền VNCH. Quá trình biến động dân cư gây khó khăn cho chính quyền thị xã Cần Thơ trong việc tạo công ăn việc làm cho những người di cư. Do vậy, để giải quyết tình trạng này, chính quyền thị xã Cần Thơ khuyến khích các hoạt động công kỹ nghệ vì với việc phát triển công kỹ nghệ, không những có thể giúp đỡ nông dân vừa rời bỏ vùng quê lên tỉnh có công ăn việc làm mà còn nâng cao đời sống của người dân trong tỉnh. Cần Thơ từ trước tới nay vẫn được coi như là “Thủ đô” của miền Tây vì ở vị trí thuận lợi cho giao thông về đường bộ, đường thủy cũng như đường hàng không với các tỉnh miền Tây và Sài Gòn. “Về đường bộ: Liên tỉnh lộ 27 nối liền Cần Thơ với các tỉnh Long Xuyên, Châu Đốc, Rạch Giá... Quốc lộ 4 nối liền Cần Thơ với các tỉnh Bạc Liêu, Vĩnh Long, Định Tường, Long An, Bạc Liêu, An Xuyên, cũng như với Sài Gòn; Về đường thủy: Khu kỹ nghệ (KKN) Tây Đô được thiết lập cạnh sông Hậu. Đây là con sông lớn, các tàu thủy trọng tải lớn có thể di chuyển ra vào dễ dàng. Do đó, Nha Thương cảng Sài Gòn khảo sát để thiết lập một cảng sông trong KKN Tây Đô; Về đường hàng không: Thị xã Cần Thơ có hai sân bay: sân bay Cần Thơ tiếp nhận các máy bay dân sự và sân bay Trà Nóc có thể tiếp nhận các máy bay quân sự. Hai sân bay này sẽ là phương tiện hỗ trợ đắc lực cho KKN Tây Đô kết nối với bên ngoài; Về thị trường tiêu thụ và nhân công: Vùng đồng bằng sông Cửu Long với tổng số dân trên 6 triệu người sẽ là một thị trường tiêu thụ rộng lớn cũng như sẽ cung cấp đầy đủ nhân công cần thiết cho hoạt động tại KKN Tây Đô” [3, tr.7].

Trước khi chính thức trình lên chính quyền VNCH để xin thiết lập KKN tại Cần Thơ, chính quyền tỉnh Phong Dinh đã mở các cuộc tiếp xúc với các nhà công kỹ nghệ địa phương cũng như các chuyên gia nước ngoài về khả năng phát triển kinh tế của Cần Thơ. Trong khuôn khổ đó, ngày 18-2-1967, phái đoàn Hội Việt - Nhật được mời đến tham quan Cần Thơ. Ngày 4-3-1967, thị xã Cần Thơ triệu tập trên 100 chuyên gia công kỹ nghệ trong tỉnh để thảo luận về thiết lập các xí nghiệp tại KKN sắp được thành lập. Tiếp đó, ngày 18-4-1967, hội thảo “Phát triển Công Kỹ Nghệ” được tổ chức tại thị xã Cần Thơ. Qua tiếp xúc của các bên cũng như tham vấn chuyên gia, Hội thảo kết luận việc thiết lập KKN Tây Đô là điều cần thiết để phát triển thị xã Cần Thơ. Do đó, chính quyền VNCH giao Bộ Công Kỹ nghệ “Phụ trách việc thành lập KKN

Tây Đô trong một thời gian tối thiểu; Đồng thời trợ giúp tài chính và chuyên viên cần thiết cho chương trình thiết lập KKN Tây Đô; Bộ Công Kỹ nghệ cũng đề nghị Hội đồng Nội các cho thiết lập một thương cảng đi đôi với thiết lập KKN Tây Đô. Song song với các hoạt động trên chính quyền VNCH cũng phổ biến các ngành kỹ nghệ được khuyến khích đầu tư tại địa phương và thành lập Phòng Thương mại và Công Kỹ nghệ tại thị xã Cần Thơ để xúc tiến các hoạt động đầu tư” [1, tr.3]. Như vậy, chính quyền VNCH có quá trình khảo sát, tạo diễn đàn trên cơ sở đó tiếp thu khuyến nghị chuyên gia về việc thiết lập KKN Tây Đô. Chính quyền VNCH có quá trình nghiên cứu tiến khả thi, thể hiện sự quan tâm đầu tư cho sự phát triển KKN Tây Đô một cách bài bản.

Ngày 4-3-1967, các nhà công kỹ nghệ trong thị xã Cần Thơ thảo luận việc thiết lập các xí nghiệp tại KKN Tây Đô. Qua thảo luận, các ý kiến đã đưa ra tiêu chuẩn chọn lựa các loại kỹ nghệ sẽ thiết lập tại KKN Tây Đô như sau: “Việc dễ làm trước, việc khó thực hiện sau. Phải căn cứ vào hậu thuẫn kinh tế địa phương như nhân lực, tài lực, công kỹ nghệ sẵn có v.v... để tiến hành sao cho hợp lý. Trong quá trình thực hiện ưu tiên kỹ nghệ sử dụng các nguyên liệu địa phương, loại công kỹ nghệ ít vốn nhưng có thị trường tiêu thụ bảo đảm và có thể tạo lợi nhuận nhanh. Theo các tiêu chuẩn trên, các ngành kỹ nghệ có thể thành lập các xí nghiệp nông cơ, nông cụ, vật dụng bằng nhôm, dệt sợi cotton, nhuộm, thuốc sát trùng, phân bón, vật dụng bằng chất dẻo hóa học, đồ hộp, thức ăn cho gia súc...” [3, tr.8].

Ngày 6-1-1968, “Thủ tướng VNCH Nguyễn Văn Lộc ban hành Sắc lệnh số 04-SL/KT cho phép Công ty Quốc gia Khuếch trương Kỹ nghệ (Sonadezi) thiết lập KKN tại Cần Thơ với tên gọi KKN Tây Đô. KKN Tây Đô được thiết lập trên khu đất hình tam giác cách trung tâm thị xã Cần Thơ 10km. Phía Đông Nam KKN Tây Đô tiếp giáp sông Trà Nóc, phía Đông Bắc giáp sông Ba Sao, phía Tây Bắc giáp rạch Sắn Trắng và phía Tây Nam giáp liên tỉnh lộ 27 Cần Thơ - Long Xuyên. KKN Tây Đô rộng 200ha thuộc 2 xã Thới An Đông và Phước Thới, quận Phong Phú, thị xã Cần Thơ. Diện tích xây dựng KKN Tây Đô là 151ha. Khoảng cách từ KKN Tây Đô đến bến Bắc Cần Thơ là 9km, đến bến đò miền Tây 8,5km, đến sân bay Cần Thơ 8km” [4, tr.9].

Tổ chức và hoạt động khu kỹ nghệ Tây Đô

Tổ chức của khu kỹ nghệ Tây Đô

Trong khi đợi xây dựng xong văn phòng chính thức, Sonadezi đặt văn phòng tạm tại Ty Kinh tế, toà hành chính thị xã Cần Thơ. Nhân viên văn phòng gồm: 1 kỹ sư đơn vị trưởng; 1 phụ tá; 1 thư ký. Đơn vị Trưởng KKN Tây Đô có nhiệm vụ tổ chức và điều

hành các công việc tại văn phòng KKN Tây Đô và đại diện cho Sonadezi trong các giao dịch với chính quyền địa phương và chịu trách nhiệm về thực hiện công tác địa phương với sự hỗ trợ của các sở chuyên môn ở trung ương. Đồng thời đơn vị Trưởng KKN Tây Đô còn thi hành các chỉ thị của trung ương hoặc các đề nghị đã được chấp thuận để quảng bá cho KKN Tây Đô đến các nhà kỹ nghệ. Xem xét các hồ sơ xin gia nhập và khả năng thực hiện dự án của các nhà kỹ nghệ trước khi trình về trung ương. Đơn vị Trưởng KKN Tây Đô cũng quản lý và đề nghị tuyển dụng và thăng thưởng nhân viên thuộc văn phòng, tùy theo nhu cầu. Đơn vị Trưởng cũng tổng hợp tất cả công việc để báo cáo thường xuyên về trung ương mỗi tháng hai lần. Trong trường hợp có những việc khẩn cấp cần phải giải quyết thì phải báo cáo bằng điện thoại hoặc điện tín.

Để gia nhập KKN Tây Đô, nhà đầu tư phải tham khảo các văn bản liên quan đến quy định về việc gia nhập KKN như thể thức xây dựng, giấy phép xây dựng, hợp đồng thuê đất. Hồ sơ xin gia nhập KKN Tây Đô bao gồm: Văn bản của Bộ Kinh tế chấp thuận dự án đầu tư; Bản dự án đầu tư; Đơn xin gia nhập KKN và khai chi tiết về dự án. Sau đó, Sonadezi thiết lập và gửi cho nhà đầu tư lược đồ ấn định tạm thời vị trí và diện tích lô đất để nhà đầu tư hoàn tất những thủ tục để gia nhập KKN Tây Đô.

Khi xí nghiệp gia nhập KKN Tây Đô xây dựng và vận hành thử thì Ủy ban tư vấn Sonadezi sẽ kiểm tra và khuyến cáo trước khi Sonadezi cấp giấy phép hoạt động cho xí nghiệp. Tại KKN Tây Đô, chính quyền VNCH giới hạn: “Thời hạn thuê đất là 99 năm và có thể được tiếp tục kéo dài thêm. Giá biểu thuê đất thay đổi hàng năm tùy theo giá trị đồng bạc VNCH hay ít nhất cũng tăng 5% so với trị giá đất năm trước. Kể từ ngày 1-1-1973, giá biểu cho thuê đất tại KKN Tây Đô được ổn định là 500\$/m² đất đã bồi lấp chỉnh trang” [4, tr.11]. Chính quyền VNCH có quy định khá rõ ràng về biểu giá thuê đất tại KKN Tây Đô. Sự công khai này nhằm cung cấp thông tin đầy đủ để nhà đầu tư chủ động chuẩn bị nguồn kinh phí để gia nhập KKN Tây Đô.

Những lợi ích khi được gia nhập khu kỹ nghệ Tây Đô:

Ở KKN Tây Đô ngoài đất đai, tại đây còn được Sonadezi trang bị sẵn một hệ thống điện, nước và giao thông đầy đủ. Ngoài ra, cơ quan quản trị KKN Tây Đô còn xây dựng sẵn một số kiến trúc như xưởng máy, kho hàng, để nhà kỹ nghệ có thể bắt đầu sản xuất ngay khi gia nhập vào KKN Tây Đô. Với một hệ thống cơ sở hạ tầng được trang bị sẵn, nhà kỹ nghệ sẽ giảm bớt một số chi phí đầu tư xây dựng. Do đó, những nhà đầu tư ít vốn vẫn có thể trực tiếp góp phần vào việc kỹ nghệ hóa.

Cơ quan quản trị Sonadezi có toàn quyền xem xét và

cấp giấy phép cho nhà kỹ nghệ xây dựng trong KKN Tây Đô. Sonadezi cấp cho các nhà kỹ nghệ thuê một diện tích đất rộng hơn số cần thiết để thiết lập cơ sở hạ tầng để sau này nhà kỹ nghệ có thể mở rộng cơ sở dễ dàng.

Nếu các xí nghiệp gia nhập KKN Tây Đô có thể mua nguyên liệu tại địa phương, có khi trong KKN Tây Đô, sản phẩm của xí nghiệp này có thể dùng làm nguyên liệu cho xí nghiệp khác. Ngoài ra, nhờ hệ thống giao thông thuận lợi giữa KKN Tây Đô với Sài Gòn và các tỉnh lân cận kinh phí vận chuyển sẽ giảm bớt rất nhiều. Trong KKN Tây Đô có khu cư xá xây dựng cho công nhân và chuyên viên, các nhà đầu tư sẽ giảm kinh phí để chuyên chở công nhân từ nhà đến nơi làm việc. Hơn nữa, sự quy tụ các chuyên viên của các xí nghiệp lại một nơi khiến cho họ có dịp trao đổi ý kiến, kinh nghiệm nhằm mở rộng kiến thức và trao đổi nghề nghiệp.

KKN Tây Đô không chỉ có các công xưởng, kho hàng mà còn có những tiện nghi khác như điện, nước, đường xá, điện thoại, trường học, bệnh viện, bưu cục, ngân hàng... Như vậy, công nhân làm việc tại đây sẽ được hưởng mọi tiện nghi của một đô thị lớn. Công nhân làm việc tại KKN Tây Đô còn được hướng dẫn kỹ thuật, huấn nghệ hoặc tu nghiệp để trở thành thợ chuyên môn, do đó họ có nhiều cơ hội để thăng tiến hơn.

Hoạt động của khu kỹ nghệ Tây Đô

Thiết lập cơ sở hạ tầng: Mặt bằng thiết lập “KKN Tây Đô là đất ruộng, thấp hơn hệ thống giao thông nội khu tới 1,70 m. Trong số 151 ha thì có tới 91% diện tích là ruộng lúa người dân đang canh tác, 8% vườn cây ăn trái và 1% thổ cư. Việc chỉnh trang và thiết lập cơ sở hạ tầng tại KKN Tây Đô thực hiện như sau: Đầu tiên là đo đạc đất đai, nghiên cứu thủy triều, mua đất rồi đến bù đất và bồi thường hoa màu trên đất mà KKN trưng dụng của người dân. Sonadezi đã chi 22.416.000\$ để mua 151 mẫu đất và bồi thường hoa màu trên diện tích đất này là 22.660.000\$, tổng cộng hết số kinh phí 45.000.000\$” [5, tr.23]. Vì đất đai KKN Tây Đô là đất ruộng “nên muốn xây dựng phải bồi lấp lớp đất dày từ 1,50m - 2m, số lượng đất cần thiết để thực hiện công việc này là 2.000.000m³. Công việc san lấp mặt bằng cho KKN Tây Đô do Nha Thủy vận, Bộ Giao thông VNCH đảm nhiệm bằng cách dùng xáng Đài Loan để thổi đất, cát ở lòng sông Hậu lên. Tổng cộng kinh phí chi phí cho hoạt động này lên tới 400.000.000\$. Dựa vào các sơ đồ dự trù đã được nghiên cứu và dựa vào nhu cầu tại KKN Biên Hoà so với KKN Tây Đô, Sonadezi dự trù cần 1km đường cho 10ha đất xây dựng cơ xưởng ở KKN Tây Đô. Như thế, phải làm tất cả 15km đường cán đá tráng nhựa bề ngang 6m cho KKN Tây Đô với kinh phí là 45.000.000\$” [5, tr.23].

Hệ thống nước: Với tiêu chuẩn dự kiến là 10m³ nước cho mỗi mẫu đất một ngày nên tổng cộng cần 2.000m³ nước một ngày cho toàn KKN Tây Đô. Tại tỉnh Phong Dinh vấn đề điện nước để sử dụng gặp rất nhiều khó khăn. Vậy nên vấn đề cung cấp đủ điện và nước cho hoạt động của KKN Tây Đô là khó khăn lớn của chính quyền địa phương. Nên “Sonadezi dự trù lấy nước từ sông Hậu để lọc, cũng như đào giếng để lấy nước phục vụ cho hoạt động của KKN Tây Đô. Theo nhu cầu dự tính ở trên, KKN Tây Đô cần phải có 2 giếng với kinh phí để đào giếng là 3.000.000\$, 2 thủy đài có dung tích 1.000m³ với kinh phí xây dựng là 30.000.000\$. Đồng thời hệ thống phân phối nước bằng ống gang dọc theo các đường nhựa trong KKN Tây Đô với kinh phí 30.000.000\$ cho 15km. KKN Tây Đô đã thực hiện xong một thủy tháp có dung tích 300m³ với kinh phí 18.000.000\$ và hệ thống thoát nước thải với kinh phí 23.000.000\$” [3, tr.38].

Tại KKN Tây Đô một nhà máy điện do Công ty Điện Lực VNCH xây dựng dưới sự trợ giúp của Chính phủ Nhật Bản. “Sonadezi cũng thực hiện hệ thống đèn đường và trồng cây bóng mát. Số điện năng tiêu thụ dự kiến 50KVA cho 1ha tức là 7.500KVA vào khoảng 6.000KW cho toàn KKN Tây Đô. Để phân phối điện cho toàn KKN Tây Đô, cần 15km đường dây 15KV với kinh phí 6.000.000\$. Đồng thời hệ thống điện thoại liên lạc giữa Cần Thơ - Sài Gòn bằng hệ thống Vibra (VHF) cũng được thiết lập. Trong KKN Tây Đô còn xây dựng cơ sở hành chính, bệnh xá, câu lạc bộ, trường học.... Một cầu tàu rộng 10m dài 100m, có khả năng cập bến những tàu có trọng tải khoảng 4.000 tấn được xây dựng tại góc sông Hậu và rạch Trà Nóc” [5, tr.41]. Cầu tàu dùng để hỗ trợ cho công việc bốc dỡ máy móc và nguyên liệu cho KKN Tây Đô.

Hoạt động của KKN Tây Đô: Theo tài liệu của Sonadezi, tính đến ngày 1-7-1972 có tất cả 10 dự án đầu tư được chấp thuận gia nhập KKN Tây Đô. Trong số đó, những doanh nghiệp hoạt động tiêu biểu có thể kể đến là:

- Trung tâm Nông cơ VNCH thiết lập nhà máy với diện tích đất sử dụng là 10.000m². Cơ quan này dự tính mức sản xuất hàng năm là 500 máy với số vốn đầu tư: 40.000.000 đồng bạc VNCH giá trị máy móc đầu tư: 418.504 USD. Dự án có mục tiêu bảo trì, sản xuất nông cụ cơ giới.

- Công Ty Điện lực VNCH xây dựng nhà máy nhiệt điện với tổng diện tích đất sử dụng là 100.000m², công ty này sản xuất điện năng với sản lượng sản xuất hàng năm 240.000.000KWH. Công ty Điện lực VNCH xây dựng nhà máy nhiệt điện với sự hỗ trợ của chính phủ Nhật Bản theo thỏa ước được ký kết ngày 20-7-1972 tại Tokyo giữa Tổng trưởng Công chánh đại diện

- chính phủ VNCH và Ông Takasugi Shinichi đại diện Quỹ Hợp tác Kinh tế Hải ngoại Nhật Bản, chính phủ Nhật Bản cho chính quyền VNCH vay 5.220 triệu Yên tức 17 USD để xây dựng nhà máy nhiệt điện này. Số tiền vay sẽ được trả lãi tiến trong 25 năm, cứ 7 năm trả một lần với lãi 3% /năm. Nhà máy dự trù sẽ hoàn thành vào năm 1974 và có công suất là 33.000KW.
- Société d'oxygène / d'Acétylène D'E.E: thuê 6.000m² đất để làm mặt bằng sản xuất Oxy và C₂H₂ với mức sản lượng sản xuất hàng năm là 50.000m³ Oxy và 250.000m³ C₂H₂ Vốn đầu tư: 3.368.300 NF trong đó trị giá máy móc trang thiết bị là 530.000 USD, công ty này sử dụng 57 công nhân.
 - Esso Standard East Inc sử dụng diện tích đất: 20.000m². Công ty này sản xuất Surf 85% và Asph cut black. Mức sản lượng sản xuất hàng năm là 47.400m³ lưu huỳnh 85% và 32.000m³ Asph cut black. Tổng số vốn đầu của công ty này là 25 triệu bạc VNCH.
 - Công ty Vicco sử dụng tổng diện tích mặt bằng là 30.000m². Công ty này chuyên sản xuất gạch cement ép, đà cầu BTCT và cầu sắt. Năng lực sản xuất là 2.400.000 viên gạch cement ép, 12.000m đà BTCS, 60.000m từ BTCS và 1.000m request. Để tiến hành sản xuất, Vicco đã đầu tư nguồn vốn 424 triệu bạc VNCH.
 - Cơ quan tiếp vận Trung ương VNCH đăng ký sử dụng mặt bằng với diện tích sử dụng đất là 10.000m². Cơ quan tiếp vận Trung ương VNCH lập kho an toàn dự trữ hàng hóa.
 - Nhà máy xi măng Hà Tiên đã tiến hành san lấp mặt bằng, làm rào và dự định xây dựng năm 1972 trên diện tích đất sử dụng 100.000m². Để tiến hành xây dựng nhà máy Xi măng Hà Tiên chính quyền VNCH đầu tư số vốn 1.300 triệu bạc VNCH. Chính quyền VNCH dự kiến mức sản lượng sản xuất hàng năm là 300.000 tấn. Để vận hành nhà máy, chuyên gia kỹ thuật và công nhân sử dụng trong nhà máy là 131 người. Đá nung và đá trộn là nguyên liệu trong nước còn thạch cao là nguyên liệu đầu vào. Chính quyền VNCH dự định thiết lập một kho dự trữ xi măng 35.000 tấn và 30.000 tấn nguyên nhiên liệu và xây dựng một nhà biên chế xi măng giá trị 134 triệu bạc VNCH.
 - Công ty B.G.I là công ty mới gia nhập KKN Tây Đô, công ty này sử dụng 50.000m² đất để làm xưởng sản xuất bia, nước đá, nước ngọt. Năng lực sản xuất hàng năm của B.G.I là 500.000 lít bia, 50.000 tấn nước đá và 450.000 lít nước ngọt. Tổng số vốn đầu tư của B.G.I là 31.416.000FN trong đó giá trị máy móc là 877.900 USD.

- Cidec là viết tắt của Kiến thiết Kỹ nghệ Công ty là doanh nghiệp mới gia nhập KKN Tây Đô, sử dụng diện tích đất là 50.000m². Cụ thể Cidec có vốn đầu tư 200.000.000 bạc VNCH, chuyên về thiết kế thi công đường xá và nhà ở dân dụng. Công ty này có 146 công nhân đang làm việc.

Như vậy, từ khi thành lập “đến tháng 7-1972, có tất cả 10 dự án đầu tư đã được chấp nhận gia nhập KKN Tây Đô” [6, tr.23]. Theo Phúc trình hoạt động của Sonadezi tại KKN Tây Đô “tính đến cuối năm 1974, KKN Tây Đô đã có 13 xí nghiệp gia nhập, trong đó chỉ có một xí nghiệp đang hoạt động, 3 xí nghiệp đang xây dựng và 9 xí nghiệp đang chỉnh trang thu hút hơn 1.139 kỹ sư, công nhân và thợ xây dựng” [5, tr.33].

Bên cạnh đó các dự án xin gia nhập KKN Tây Đô đang được Sonadezi xét hồ sơ và cấp phép xây dựng như “Mekong Kỹ nghệ Công ty Kỹ thuật kim khí cụ về tàu; Nhà máy chế biến thực phẩm gia súc; Nhà máy sản xuất sản phẩm đồ kim khí; Kho xuất khẩu lúa gạo; Nhà máy Kỹ nghệ chế tạo bột giấy; Nhà máy sản xuất bột giặt; Nhà máy Ráp máy và bảo trì nông cụ; Nhà máy Nhựa dẻo; Nhà máy dệt và dây Nylon; Xưởng ráp máy cày; Nhà máy gạch bông; Nhà máy phân bón hóa học; Nhà máy Fibro-ciment; Xưởng Chế tạo dầu sơn; Nhà máy bột cá và thực phẩm gia súc. Ngoài ra còn các dự án nhà máy chế biến đồ hộp, nước mắm và giấy...” [5, tr.33].

Tính đến “cuối tháng 9-1974, trong tổng diện tích 151ha của KKN Tây Đô, Sonadezi đã sử lý và có thể cho thuê 121ha và diện tích đã cho thuê là 37.5ha chiếm 31%. So với diện tích 511ha của KKN Biên Hòa, diện tích có thể cho thuê 310ha và 266.5ha đã cho thuê chiếm 86%” [4, tr.44]. Tỷ lệ sử dụng đất trong KKN Tây Đô qua so sánh với tỷ lệ sử dụng đất ở KKN Biên Hòa cho thấy KKN Tây Đô chưa sử dụng hiệu quả tối đa mặt bằng. Hay nói theo cách khác là chưa có nhiều xí nghiệp đến hoạt động trong KKN. Kết quả hoạt động của KKN Tây Đô trên đây cho thấy các doanh nhân vẫn rất dè dặt trong quá trình đầu tư hoạt động tại KKN Tây Đô. Qua quá trình hoạt động của KKN Tây Đô và chính sách phát triển KKN Tây Đô của chính quyền VNCH, những mục tiêu ban đầu khi thiết lập KKN Tây Đô không thể đạt được.

Khó khăn trong tổ chức và hoạt động của khu kỹ nghệ Tây Đô

Việc chuyển nhượng và đền bù đất đai

Sau khi chính quyền VNCH ký sắc lệnh cho phép Sonadezi thiết lập KKN Tây Đô, Sonadezi đã đến để phối hợp với chính quyền tỉnh Phong Dinh trong việc điều đình để mua lại đất của 200 gia đình trong khu vực

thiết lập KKN Tây Đô. “Qua nhiều phiên họp với đại diện các gia đình, họ đồng ý nhượng lại đất để cho Sonadezi thành lập KKN với điều kiện: Bồi thường đất ruộng 13\$/m² và đất vườn 22\$/m². Sonadezi cũng bồi thường về nhà cửa, hoa màu, cây ăn trái v.v... cho người dân bị trưng dụng đất” [6, tr.57].

Nhằm mục đích hỗ trợ các gia đình bị trưng dụng đất cư trú trên khu đất để thiết lập KKN Tây Đô cũng như tạo thêm điều kiện để sớm giải tỏa trong năm 1968, Bộ Kinh tế VNCH đề nghị dành một khu đất trong phạm vi KKN Tây Đô để cấp nền nhà cho các gia đình bị giải tỏa. Nhưng Sonadezi chỉ cấp nền nhà cho những gia đình thực sự cư trú và là chủ sở hữu trên khu đất lập KKN Tây Đô. Căn cứ theo sổ gia đình thực tế thì diện tích nền nhà được áp dụng đồng đều và tổng số diện tích cấp cho mỗi gia đình sẽ do Sonadezi quy định. Sonadezi sẽ cấp nền nhà sau khi công tác bồi lấp đất đã hoàn tất. Sonadezi cũng yêu cầu các gia đình được cấp nền nhà không được phép bán lại cho người khác. Diện tích đất “Sonadezi được chuyển nhượng có 27.500m² của chùa Kỳ Duyên. Đây chính là khu đất mà Sonadezi dự tính chia lô để cấp cho các gia đình bị trưng dụng đất. Tuy nhiên, việc sử dụng phần đất này không thực hiện được vì ngày 18-1-1971, Ban Quản trị chùa Kỳ Duyên có gửi văn thư thỏa thuận cho KKN Tây Đô thuê diện tích đất trên với giá 22\$/m² trong thời gian 99 năm, không kể số tiền 500.000\$ mà KKN Tây Đô giúp cho chùa xây dựng và tu sửa cơ sở. Nhưng mấy tháng sau, chùa Kỳ Duyên lại phủ nhận thỏa thuận trên. Các gia đình bị giải tỏa vì vậy chưa được cấp đất nên chiếm khu đất Công ty Điện lực VNCH” [7, tr.27]. Ngày 21-12-1971, “thị xã Cần Thơ triệu tập một phiên họp với Giáo hội Phật giáo Hoà Hảo thị xã Cần Thơ để giải quyết dứt điểm vấn đề. Tuy nhiên, cuộc tiếp xúc không đem lại kết quả vì đại diện Phật giáo Hoà Hảo cho rằng như vậy là trái với hiến chương của Giáo hội, Giáo hội Phật giáo Hoà Hảo không đồng ý cho chuyển nhượng. Trước tình hình đó, KKN Tây Đô đành phải dành hai lô đất số 55 và 56 diện tích 3ha sát bờ sông Sắn Trắng để định cư cho người dân. Nhưng việc giải tỏa khu đất xây nhà máy điện bị trở ngại vì khu đất quá thấp nên bị ngập và người dân đòi hỏi phải có nền cao hơn” [7, tr.28]. Do đó Sonadezi lại phải trợ cấp cho thị xã Cần Thơ một triệu đồng để thực hiện việc bồi lấp khu đất.

Công binh Hoa Kỳ thuê đất tại KKN Tây Đô: Ngày 14-10-1970, “Sonadezi chấp thuận cho công binh Hoa Kỳ tự do sử dụng diện tích 474.000m² đất trong KKN Tây Đô với điều kiện xây dựng cho Sonadezi hệ thống đường sá, thoát nước, rào kẽm gai v.v... thỏa thuận này có hiệu lực đến ngày 1-8-1971. Nhưng các đơn vị Hoa Kỳ đã di chuyển khỏi KKN Tây Đô và không thi hành cam kết. Khi Sonadezi gửi thư phản ánh lên cấp

chỉ huy Hoa Kỳ thì được trả lời là thỏa thuận không hợp lệ và cho rằng chỉ có khu đất trong KKN Tây Đô là nơi thích hợp cho công binh Hoa Kỳ sử dụng thực hiện công tác hiện đại hóa và mở rộng các con đường. Trong khi đóng tại KKN Tây Đô, công binh Hoa Kỳ thuộc căn cứ 93RD Engineer BN, Bình Thủy (North) Base Camp có làm sập 31 bức tường của KKN Tây Đô cho xây dọc theo liên tỉnh lộ 27, trị giá 1.577.000\$” [6, tr.58]. Ngay sau khi công binh Hoa Kỳ làm sập, Đơn vị Trưởng KKN Tây Đô có gửi thư yêu cầu bồi thường nhưng không được đáp ứng.

Những trở ngại trong việc phát triển

Thiếu vốn đầu tư: Miền Tây Nam Phần vốn là vùng ruộng đất phì nhiêu do sông Cửu Long bồi đắp. Khí hậu thích hợp cho việc sản xuất nông nghiệp và nông nghiệp trở thành sinh kế chính của người dân. Tây Nam Phần không thiếu những người giàu, nhưng ít người bỏ vốn để đầu tư hoạt động kỹ nghệ. Trong khi đó, các doanh nhân tại Sài Gòn lại không dám bỏ vốn ra để đầu tư tại miền Tây vì đầu tư phải hợp tác với doanh nhân địa phương. Chính quyền VNCH muốn phát triển KKN Tây Đô một mặt phải hướng dẫn doanh nhân miền Tây vào các hoạt động kỹ nghệ, thương mại. Mặt khác tổ chức các cuộc tiếp xúc giữa doanh nhân miền Tây và doanh nhân Sài Gòn cũng như doanh nhân nước ngoài để học hỏi kinh nghiệm và hợp tác với nhau mới có hy vọng trong việc thu hút đầu tư vào KKN Tây Đô. Tuy nhiên, các hoạt động này không đem lại kết quả nào đáng kể vì tâm lý e ngại của giới doanh nhân.

Để đối phó với nạn lạm phát, chính quyền VNCH đã khuyến khích tư nhân tiết kiệm. Lãi suất ngân hàng gia tăng nhiều lần kể từ tháng 5-1972: “Kỷ thac định kỳ: 1 tháng 17 % một năm; 3 tháng 19% một năm; 6 tháng 21% một năm; 9 tháng 22% một năm; 12 tháng 24% một năm. Với lãi suất kỳ thac cao như vậy nên lãi suất tín dụng cũng được gia tăng: Tín dụng lãi suất 22% một năm; Tín dụng được tái chiết khấu 24% một năm; Tín dụng không được tái chiết khấu 26% một năm. Do đó, doanh nhân thay vì bỏ vốn đầu tư với rủi ro có thể gặp phải, họ gửi tiền vào ngân hàng và chắc chắn nhận được một số lời mà không phải lo lắng. Hơn nữa, dù có muốn đầu tư, các doanh nhân không biết phải xoay tiền ở đâu mỗi khi thiếu vốn vì với lãi suất tín dụng cao như vậy, họ không chắc sẽ trả nổi khi vay” [7, tr.47]. Trước tình trạng này, để có thể đẩy mạnh công cuộc phát triển kỹ nghệ trong nước, chính quyền VNCH phải thiết lập các cơ quan cấp phát tín dụng trung và dài hạn cho các nhà đầu tư với lãi suất hạ. Ngoài ra, còn hỗ trợ các nhà đầu tư về phương diện kỹ thuật như hướng dẫn đầu tư vào những ngành thích hợp, nghiên cứu và soạn thảo các dự án kỹ nghệ. Tuy nhiên, biện pháp này không thực sự hấp dẫn và

không thúc đẩy nguồn vốn của các doanh nhân đầu tư tại KKN Tây Đô.

Tình hình an ninh: Ở Nam Bộ nửa đầu năm 1969, Mỹ và chính quyền VNCH đẩy mạnh các hoạt động càn quét lập đồn chốt cấp tốc, giành dân chiếm đất, các chiến dịch chiêu hồi cũng được triển khai... Mỹ và chính quyền VNCH có thêm những âm mưu mới “Trong khu vực III/CT, Mỹ và chính quyền VNCH điều chỉnh lại bố trí chiến lược: tuyến ven đô giao cho quân đội VNCH trách đảm hoàn toàn, một số sư đoàn chủ lực Mỹ và VNCH chuyển ra tuyến trung gian mà trọng điểm là các khu vực Long Xuyên, Bờ Lờ, nam sông Đồng Nai, ven sông Sài Gòn và sông Vàm Cỏ Đông; tuyến ngoài thì tập trung lực lượng dã chiến cơ động để đánh mạnh lên Tây Ninh, Bình Long, Phước Long, Long Khánh... Những hoạt động quân sự ở khu vực này, sẽ hỗ trợ tích cực cho việc đẩy mạnh triển khai các đoàn bình định, phân phối hợp bảo an, dân vệ gom dân, lập an ninh, xây dựng ấp chiến lược, thanh lọc dân chúng, phát hiện và tìm kiếm cơ sở cách mạng, kêu gọi chiến lược, ra sức phá địa hình ở các điểm trọng điểm Long An, Bến Cát, Lái Thiêu, Búng, Cù Chi, Phú Hòa, biển tuyến Vàm Cỏ Đông vành đai trắng, hầm hố công sự của ta... Trong khi đó ở vùng IV/CT quân đội mở rộng tối đa bình định, tập trung vào các khu lĩnh vực dọc biên giới và các tỉnh Kiến Tường, Kiến Phong, Châu Đốc, Rạch Giá, Chương Thiện, Mỹ Tho. Lực lượng chủ yếu để bình định là bảo an, dân vệ với hình thức gom lùa dân tộc, đóng đồn lập ấp, tổ chức bộ máy kẹp kẹp, phát quang địa hình” [2, tr.60].

Nguyên liệu cho hoạt động của các xí nghiệp trong KKN Tây Đô phụ thuộc vào nhập khẩu: Xí nghiệp hoạt động trong KKN Tây Đô không có tính chất tích cực. Nghĩa là không thể nhằm vào việc khai thác các tài nguyên có sẵn trong nước mà chỉ nhằm vào việc chế biến và tiêu thụ nguyên nhiên liệu từ những nguồn nhập khẩu. Có thể nói rằng các xí nghiệp trong KKN Tây Đô lệ thuộc vào nước ngoài hay đúng hơn là vào nguyên liệu nhập của nước ngoài. Khi tình trạng an ninh không tốt, khiến cho việc khai thác nguyên liệu nội địa tại địa phương rất khó khăn, nhất là vấn đề vận chuyển.

Hệ thống xí nghiệp trong KKN Tây Đô nặng về chế biến hơn là sản xuất toàn diện: Phần lớn xí nghiệp trong KKN Tây Đô thoát thai từ ngành nhập khẩu thương mại. Trước đây có những sản phẩm nhập khẩu vào toàn bộ, nhưng sau đó chỉ nhập khẩu vào các bộ phận rời rạc rồi lắp ráp lại hoặc chế biến thêm một chút. Các doanh nghiệp sản xuất toàn diện rất ít, nhưng cũng chưa khai thác đúng hiệu suất như nhà máy xi măng Hà Tiên, chỉ sản xuất trung bình được 240.000 tấn mỗi năm, chỉ đủ đáp ứng 1/3 nhu cầu của thị trường nội địa.

KKN nghệ thiếu cơ sở hạ tầng: Một điều kiện không kém phần quan trọng trong công việc kỹ nghệ hóa là phải có một hệ thống cơ sở hạ tầng vững chắc cần thiết cơ bản cho việc phát triển kỹ nghệ. Do đó, hệ thống trang bị cơ sở hạ tầng khu kỹ nghệ tại KKN Tây Đô cơ bản vẫn còn thiếu cơ sở.

Hệ thống điện: Chính quyền VNCH có nhiều dự án phát triển như kiện toàn và mở rộng hệ thống điện Đa Nhiệm với kinh phí 25 triệu đô la dùng để thiết lập một đường dây cao thế 230KW, dài 74km về một trạm biến điện 10.000KVA. Xây dựng thêm hệ thống thủy điện khác: đó là những nhà máy La Ngà, Trị An, Đa Nhiệm 3, với công suất thiết kế 300.000KW, 24.000KW và 106.000KW. Thiết lập thêm nhà máy điện Diesel và nhiệt điện. Các nhà máy này đã được thiết lập tại khu vực Thủ Đức, Biên Hòa và dần hoàn thiện. Chính quyền VNCH cho rằng hệ thống cơ sở hạ tầng có khả năng đáp ứng nhu cầu phát triển kỹ nghệ. Nhưng tại KKN Tây Đô chỉ có nhà máy nhiệt điện chính quyền VNCH xây dựng chưa xong nên hạ tầng về điện là một vấn đề hạn chế cho sự phát triển của KKN Tây Đô.

Hệ thống nước: Nhu cầu về nước cũng rất khẩn thiết cho hoạt động kỹ nghệ dù chính quyền VNCH có cố gắng nỗ lực thiết lập được hệ thống nước sông Hậu để có thể cung cấp cho KKN Tây Đô nhưng việc đặt ống phân phối nước chưa hoàn hảo.

Đường giao thông: Đóng vai trò quan trọng trong việc chuyển giao nguyên liệu và phân phối sản phẩm. Hệ thống giao thông đã bị hư hại một phần vì thiếu quá trình xây mới và hiện đại hóa. Hơn nữa hệ thống giao thông bị đào, cầu phá hoại do ảnh hưởng của các cuộc phá kích của chính Mỹ và chính quyền VNCH trong các chiến dịch càn quét và bình định ở hầu khắp các tỉnh Tây Nam Phần đã làm cho phương tiện vận chuyển chỉ dựa vào đường thủy và đường hàng không. Trong khi các nhà ga, phi cơ và phi trường cần phải đặt và thỏa mãn ưu tiên cho nhu cầu quân sự trước mới đến vận chuyển hàng hóa dân sự.

Ảnh hưởng của khu kỹ nghệ Tây Đô

Về kinh tế

Các quốc gia chậm phát triển muốn phát triển kinh tế phải khuyến khích các nhà tư bản bỏ vốn đầu tư phát triển kỹ nghệ. Nhưng hiện tượng trái ngược lại diễn ra ở VNCH là thay vì đầu tư vào kỹ nghệ, các nhà tư bản lại bỏ vốn ra hoạt động trong những ngành khác hoặc bỏ vào ngân hàng để lấy lời. Sở dĩ như vậy là vì các nhà tư bản đã gặp phải nhiều khó khăn khi đầu tư kỹ nghệ.

Khi đầu tư để hoạt động trong một ngành kỹ nghệ, việc đầu tiên của các nhà tư bản là phải lựa chọn được một vị trí thuận lợi để thiết lập cơ xưởng. Vị trí này

không những thuận tiện cho việc chuyển vận bằng đường bộ, đường thủy, đường hàng không mà còn phải ở gần thị trường tiêu thụ và nhân công. Đây không phải là một điều dễ dàng, đó là chưa kể đến việc thuê đất, trang bị những cơ sở hạ tầng điện, nước, điện thoại v.v... Chính quyền VNCH muốn doanh nhân đầu tư vào KKN Tây Đô phải để ra giải pháp sẽ lựa chọn một địa điểm thuận tiện. Sau khi trưng dụng đất sẽ cho nhà tư bản thuê hoặc nhượng lại với giá rẻ. Ngoài ra, chính quyền VNCH còn phải đảm nhận việc thiết lập hệ thống hạ tầng trong KKN Tây Đô và được hưởng nhiều ưu đãi, kèm theo những biện pháp khuyến khích đầu tư, các nhà tư bản mới hăng hái bỏ vốn đầu tư kỹ nghệ. “Các xí nghiệp được tập trung trong các KKN Tây Đô sẽ giúp việc kiểm soát dễ dàng mọi hoạt động cũng như bảo đảm được an ninh chung cho các xí nghiệp này. Chính quyền VNCH cũng dễ dàng hướng dẫn và dự đoán được sự phát triển kỹ nghệ nhằm tránh các nhà kỹ nghệ bị phá sản hoặc ứ đọng thị trường. Ngoài ra, sự tập trung các xí nghiệp thành từng khu sẽ lôi kéo sự phát triển các loại “Kỹ nghệ dây chuyền”, chẳng hạn như kỹ nghệ lọc đường lối cuốn theo nhà máy rượu, làm bột ngọt, ngành trồng mía v.v...” [8, tr.36]. Chính quyền VNCH muốn dựa vào việc thiết lập và hoạt động của các xí nghiệp trong KKN Tây Đô để tạo ra phản ứng dây chuyền để thiết lập, phát triển các ngành kinh tế khác để phát triển toàn diện.

Để động viên doanh nhân tăng cường đầu tư vào các hoạt động kỹ nghệ, chính quyền VNCH cho thiết lập *Quỹ Tái thiết Cơ cấu Sản xuất*. Quỹ này được thành lập sau biến cố Tết Mậu Thân theo sắc lệnh số 121-TT/SI ngày 19-11-1968. Quỹ có mục đích cung cấp tín dụng để mua máy móc và phụ tùng thay thế máy móc bị hư hại hoặc để xây dựng lại xưởng bị tàn phá vì chiến tranh. Quỹ được tài trợ bằng: “Ngân sách của chính phủ VNCH 1 tỷ bạc VNCH và Ngân khoản ngoại viện Mỹ: 10 triệu USD. Thủ tục vay tiền của quỹ này rất đơn giản và lãi suất từ 3-4 % một năm với hoa hồng là 5% trong 6 tháng. Lãi suất trả cho chính phủ VNCH, hoa hồng trả cho Trung tâm Khuếch trương Kỹ nghệ. Thời gian hoàn trả tối đa đối với nguồn vay ở Quỹ Tái thiết Cơ cấu Sản xuất là 10 năm” [9, tr.61].

Đồng thời, chính quyền VNCH cũng ban hành *Chế độ bảo hiểm chiến tranh*: Ngày 16-5-1972, Thủ tướng VNCH Trần Thiện Khiêm ký sắc lệnh số 072-SL/TC quy định thể thức áp dụng “chế độ bảo hiểm đặc biệt” luật 05/68 ngày 12-7-1968. Theo đó, “chế độ bảo hiểm này được áp dụng cho những tài vật sau: Toàn thể những tài vật kỹ nghệ kể cả nhà cửa, dụng cụ và kho dự trữ nguyên liệu hay hóa phẩm; Những sản phẩm hoặc hàng hóa nhập khẩu hoặc chế biến trong kho

chứa hàng; Kho hàng; Gạo và hàng hóa nhập khẩu hay chế biến trong lúc chuyên chở và những phương tiện chuyên chở. Chính quyền VNCH sẽ nhận bảo đảm với giá trị tối đa là: 1.5 triệu đồng cho mỗi vị trí đối với mỗi cơ sở kỹ nghệ hay thương mại; 1.5 triệu đồng đối với các kho hàng (nhà cửa, hàng hóa) cho mỗi vị trí; 2 triệu đồng với hàng hóa trên mỗi đơn vị chuyên chở” [9, tr.65].

Tuy có quỹ tái thiết cũng như chế độ bảo hiểm chiến tranh nhưng các nhà đầu tư vẫn rất dè dặt trong việc đầu tư vào kỹ nghệ nói chung và tại KKN Tây Đô nói riêng.

Sự bất ổn của thiết chế tiền tệ: “Trị giá đồng bạc VNCH đã sụt giảm một cách trầm trọng. Từ 118\$ đối 1 USD sụt xuống 275\$ đối 1 USD với thị trường song hành. Ngày 15-11-1971, sau Thông điệp của Tổng thống VNCH về chính sách phát triển dân sinh với một số biện pháp kinh tế tài chính được ban hành. Hậu quả là đồng bạc VNCH phải chịu 4 hối suất khác nhau mà hối suất cao nhất lên tới 475\$ đối 1 USD từ 27-1-1972” [9, tr.41]. Trước tình trạng bất ổn định của đồng bạc, các doanh nhân không còn hăng say đầu tư. Họ lo sợ những bất trắc gây ra bởi sự thay đổi hối suất đồng bạc hay những biện pháp tài chính khác nhằm gia tăng các loại thuế liên quan đến kỹ nghệ.

Chính quyền VNCH để ra KKN có tác dụng làm phát triển quận bình giữa các địa phương. Tùy theo điều kiện kinh tế của từng vùng, thiết lập các KKN và hướng hoạt động của nó vào những ngành thích ứng. Từ trước tới nay, các nguồn tư bản và nhân lực đều đổ dồn về Sài Gòn tạo nên một sự mất quân bình giữa Sài Gòn và các vùng khác. Trong khi tại các vùng như miền Tây Nam Phần, có sẵn tiềm năng phát triển về nông nghiệp nhưng không thể phát triển được vì thiếu tư bản và nhân công. Sự thiết lập KKN Tây Đô của chính quyền VNCH tất nhiên là nhằm đến mục tiêu như trên. Nhưng với kết quả hoạt động KKN Tây Đô đã chưa thực hiện được mục tiêu này của chính quyền VNCH.

Tại VNCH, hoạt động nông nghiệp gần như tập trung tại vùng châu thổ đồng bằng sông Cửu Long. Nhân công trong nông nghiệp tại miền Tây có sự thất nghiệp trá hình từ hai đến bốn người đối với mỗi mẫu đất canh tác. Như vậy với sự thiết lập KKN Tây Đô, chính quyền VNCH cho rằng có thể di chuyển được một số nhân công dư thừa khu vực nông nghiệp sang khu vực kỹ nghệ. Với sự di chuyển này, người dân tổ chức lại sản xuất nghĩa là năng suất của nhân công sẽ gia tăng kỹ thuật như vậy năng xuất của công nhân sẽ gia tăng. Đây là yếu tố quan trọng trong việc phát triển kinh tế. Nhưng với số lượng khoảng 1.000 người được tạo việc làm tại khu KKN Tây Đô, mục tiêu giải quyết vấn đề thất nghiệp trá hình trong nông nghiệp tại miền

Tây Nam Phần của chính quyền VNCH không có tác động đáng kể.

KKN Tây Đô với các dự án về nông cơ, nông cụ, phân bón v.v... sẽ hỗ trợ cho phát triển nông nghiệp tại miền Tây Nam Phần. “Nông dân tại đây cũng đã bắt đầu áp dụng các kỹ thuật tiên tiến trong việc canh tác như sử dụng phân bón, thuốc sát trùng, máy cày v.v... Nhưng hầu hết đều được nhập khẩu nên giá thường cao. Do đó, khi KKN Tây Đô hoạt động, nông dân sẽ được mua với một giá rẻ hơn, như vậy gián tiếp khuyến khích nông dân canh tác, hỗ trợ hoạt động nông nghiệp” [10, tr.46]. Ngoài ra, với các dự án về nhà máy chế biến nông sản như làm đồ hộp trái cây, việc trồng cây ăn trái sẽ được phát triển vì đã có sẵn nơi tiêu thụ. Nhưng trong quá trình tổ chức, hoạt động do những khó khăn nội tại và bên ngoài mục tiêu này không thể thực hiện được.

Về xã hội

Vấn đề sử dụng nguồn nhân lực hiệu quả là sự quan tâm của chính quyền VNCH. Vì tình hình an ninh không tốt, nên người dân nông thôn về thành phố. Một số Việt kiều từ Campuchia hồi hương cũng làm gia tăng áp lực về công ăn việc làm và an sinh xã hội. Đồng thời, nhân công làm việc trong khu vực hoạt động của Hoa Kỳ cũng giảm. Lực lượng lao động này hoạt động chủ yếu tại các cơ quan quân sự các cấp và lực dân sự phục vụ cho quân đội Hoa Kỳ và VNCH. “Số nhân công làm việc trong khu vực này là 160.000 người vào tháng 6-1969, số lượng đang giảm dần. Tính đến tháng 6-1972 số lượng công nhân phục vụ cho các cơ sở nước ngoài nghỉ việc là 100.000 người. Bên cạnh đó quân đội VNCH với quân số trên 1.000.000 người sẽ là thách thức trong việc sắp xếp việc làm khi giải ngũ. Lúc đó, số quân nhân này sẽ được giải ngũ và chính quyền VNCH phải làm thế nào cho họ có đầy đủ việc làm” [11, tr.19]. Như vậy sự hiện diện của KKN Tây Đô không những giải quyết được vấn đề sử dụng nhân công tại thị xã Cần Thơ mà còn góp phần vào việc giải quyết nạn thất nghiệp tại VNCH. Tuy nhiên, mức sử dụng nguồn nhân công của KKN Tây Đô như trên nên những tính toán của chính quyền VNCH không thể thực hiện.

Chính quyền VNCH cũng kỳ vọng KKN Tây Đô, khi hoạt động sẽ hỗ trợ cho nông nghiệp nên nông dân có thể mua nông cụ với một giá rẻ hơn nhập khẩu. Như vậy, nông dân miền Tây Nam Phần sẽ có tiện nghi tối thiểu tốt hơn, kinh phí thấp hơn trong khi năng suất lại cao hơn trước. Những sản phẩm sản xuất tại KKN Tây Đô không những nhằm thỏa mãn nhu cầu trong nước mà còn nhằm xuất khẩu qua Lào, Campuchia v.v... chính quyền VNCH sẽ thu được một số ngoại

tệ. Qua đó, có thể dành một phần lợi nhuận để đầu tư vào kỹ nghệ và một phần được dùng để đầu xây thêm trường học, thư viện, mở mang đường xá v.v.. Chính quyền VNCH muốn qua việc thiết lập KKN Tây Đô sẽ đóng góp một phần vào việc nâng cao mức sống của người dân miền Tây nói riêng và toàn quốc nói chung là “ảo tưởng” vì những hoạt động thực tế của KKN Tây Đô đã không có dấu hiệu nào chứng tỏ được điều đó.

Về chính trị

Chính quyền VNCH cho rằng “người dân có mức sống cao, sự cách biệt giữa người giàu và người nghèo sẽ giảm bớt và như vậy Cộng sản không còn cơ hội để tuyên truyền cho chủ thuyết đấu tranh giai cấp. Không những không có cơ hội tuyên truyền mà còn không được sự ủng hộ, hợp tác trực tiếp hoặc gián tiếp của người dân ở thành thị cũng như nông thôn. Hệ quả tất nhiên là sự thất bại của chủ nghĩa Cộng sản tại miền Nam Việt Nam” [9, tr.63]. Nhưng thực tế cách mạng miền Nam Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng đã chứng tỏ luận điểm này của chính quyền VNCH là hoàn toàn sai lầm.

Ngoại viện của Hoa Kỳ cho VNCH được sử dụng để tài trợ nhập khẩu. “Nhập khẩu của VNCH được tài trợ từ hai nguồn. Thứ nhất là ngoại viện do Hoa Kỳ đảm nhận 95%; Thứ hai là ngoại tệ sở hữu, kết quả của những nghiệp vụ đổi bạc cho quân đội đồng minh. Như vậy, dù được tài trợ bằng ngoại viện hay bằng ngoại tệ sở hữu, nhập khẩu là một hình thức viện trợ gián tiếp” [9, tr.63]. Do đó kinh tế VNCH bị lệ thuộc vào viện trợ của Hoa Kỳ.

Quan điểm của chính quyền VNCH là “Việc thiết lập KKN Tây Đô nằm trong kế hoạch thiết lập tại một vùng có tính chất hỗ trợ nông nghiệp. Giúp cho các hộ nông dân phân bón, nông cơ, nông cụ để có thể áp dụng các biện pháp canh tác khoa học, nhờ đó sản lượng nông nghiệp sẽ gia tăng. Số lượng sản xuất sẽ đủ để thỏa mãn nhu cầu trong nước và còn để xuất khẩu. Như vậy, số ngoại tệ thu về sẽ được VNCH hòa dành một phần để đầu tư vào việc mở rộng kỹ nghệ để phát triển kinh tế. Nhờ đó, VNCH sẽ giảm bớt sự lệ thuộc vào ngoại viện. Nhưng ngoại viện gián tiếp là hệ thống thuế khóa đánh trên hàng hóa nhập khẩu. Trong tổng số tài nguyên thuế khóa, những loại thuế gián thu luôn đóng góp tới 86-87% của tổng số và nếu so sánh yếu tố địa phương của căn bản thuế, thuế nhập nội chiếm 60% trong khi thuế nội địa chỉ gần bằng 40%. Thuế nhập nội hay thuế gián thu cũng chỉ có do hàng hóa nhập khẩu” [11, tr.67]. Nền kinh tế VNCH ngày càng lệ thuộc nhiều vào ngoại viện từ Hoa Kỳ. Có thể thấy rằng chính quyền VNCH không có cách nào để giảm bớt sự lệ thuộc vào ngoại viện, khi viện trợ bị cắt giảm chắc chắn kinh tế VNCH sẽ đi đến khủng hoảng và sụp đổ.

KẾT LUẬN

KKN Tây Đô được chính quyền VNCH thiết lập và hoạt động ở Tây Nam Phần giai đoạn 1968-1975 đã đạt được những bước tiến tích cực theo hướng tư bản chủ nghĩa, có sự phát triển cả về chất và lượng. Quy mô sản xuất của KKN Tây Đô được mở rộng với tốc độ khá nhanh. Tuy nhiên, sự phát triển của KKN Tây Đô ở Tây Nam Phần giai đoạn này chủ yếu phụ thuộc nhiều vào viện trợ của Mỹ. Điều này đã khiến cho sự phát triển của KKN Tây Đô không vững chắc và dễ lâm vào khủng hoảng. Hơn nữa, KKN Tây Đô giai đoạn này mới chỉ dừng lại ở mức độ thiết lập những xí nghiệp căn bản của một số ngành sản xuất, chỉ có một số ít xí nghiệp hoạt động và chưa có sự đóng góp vào sự phát triển kinh tế của Tây Nam Phần nói riêng, VNCH nói chung có tính cách quy mô. Do đó, KKN Tây Đô chưa phát triển theo đúng nghĩa, dẫn tới mục tiêu biến KKN Tây Đô trở thành một động lực thúc đẩy toàn diện nền kinh tế và an sinh xã hội ở miền Tây Nam Phần của chính quyền VNCH không thể thực hiện được.

Chính sách phát triển hệ thống KKN của chính quyền VNCH diễn ra trong bối cảnh chiến tranh. Trong khi đó, việc thiết lập hệ thống KKN của chính quyền VNCH lại không được xuất phát từ nền tảng nguồn nội lực của VNCH mà phải dựa vào viện trợ là chủ yếu. Đồng thời, việc đặt mục tiêu chính trị chống Cộng sản trong việc thiết lập, xây dựng và hoạt động các KKN của chính quyền VNCH gián tiếp phủ nhận những mục tiêu kinh tế - xã hội trước đó. Bản chất chính sách phát triển KKN của chính quyền VNCH vẫn nằm trong những mục tiêu về chính trị và chiến lược nhằm tạo ra sức mạnh tổng lực làm đối trọng để chống lại lực lượng cách mạng.

LỜI CẢM ƠN

Tác giả bài báo xin chân thành cảm ơn Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II đã tạo điều kiện và hỗ trợ để tác giả có thể khai thác tài liệu để hoàn thiện bài báo.

Tác giả cũng chân thành cảm ơn Ban Biên tập Tạp chí đã tạo điều kiện để tác giả được gửi bài đến Tạp chí. Tác giả chân thành cảm ơn đến Hội đồng quý chuyên gia đã có ý kiến đóng góp cho tác giả về chất lượng khoa học của bài báo.

Trân trọng cảm ơn.

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BTCT: Bê tông cốt thép

BTCS: Bê tông cốt sợi

KKN: Khu kỹ nghệ

VNCH: Việt Nam Cộng hòa

XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Bản thảo này không có xung đột lợi ích.

ĐÓNG GÓP CỦA TÁC GIẢ

Tác giả xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tác giả. Tác giả xin chịu trách nhiệm về những nội dung trình bày trong bài báo.

Để thực hiện bài báo, tác giả đã hoàn thiện quy trình sau:

Thứ nhất: Tập hợp những tài liệu tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, các công trình liên quan trực tiếp đến đề tài của các học giả thời Việt Nam Cộng hòa, các công trình nghiên cứu liên quan đến bài báo sau này và hiện nay đã xuất bản, các công trình nghiên cứu liên quan trực tiếp đến chính sách xây dựng và phát triển khu kỹ nghệ của chính quyền Việt Nam Cộng hòa nói chung và chính sách phát triển khu kỹ nghệ Tây Đô (1968-1975).

Thứ hai: Hình thành đề cương bài báo.

Thứ ba: Thực hiện triển khai các nội dung của đề cương.

Thứ tư: Hoàn thiện bài viết và gửi cho tạp chí.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Công Kỹ nghệ. Số 3856-BCKN/KKN/HC: Tờ trình gửi Thiếu tướng Chủ tịch Ủy ban Hành pháp Trung ương về việc xin ban hành Sắc lệnh cho phép thành lập Khu kỹ nghệ Tây Đô, hồ sơ 725, phòng Bộ Công chính. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II. 1967;.
2. and HHM. Phong trào chống phá bình định nông thôn ở Nam Bộ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1969-1972. Hà Nội: Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân; 2000.
3. Phủ Thủ tướng Việt Nam Cộng Hòa. Phúc trình hoạt động năm Khu kỹ nghệ Tây Đô năm 1973, hồ sơ 2394, phòng Nha Công Kỹ nghệ. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II. 1973;.
4. Sonadezi. Phủ Thủ tướng Việt Nam Cộng hòa. Sắc lệnh 04-SL/KT: Thiết lập khu kỹ nghệ tại tỉnh Tây Đô, hồ sơ 752, phòng Bộ Công chính. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II. 1968;.
5. Sonadezi. Phúc trình hoạt động Công ty Quốc gia Khuếch trương Kỹ nghệ Việt Nam Cộng hòa năm 1973, hồ sơ 2394, phòng Nha Công Kỹ nghệ. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II. 1973;.
6. Sonadezi. Phúc trình hoạt động của khu kỹ nghệ Tây Đô năm 1974, hồ sơ 2394, phòng Nha Công Kỹ nghệ. In: and others, editor. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II; 1974.
7. Ngân hàng Phát triển Kỹ nghệ Việt Nam (IDB). Phúc trình năm 1973, hồ sơ 858, phòng Tổng nha Nông sản Ngoại viện. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II. 1973;.
8. Huy N. Hiện tình kinh tế Việt Nam I. Sài Gòn: Nhà xuất bản Lửa Thiêng; 1972.
9. Sonadezi. Phúc trình thường niên năm 1970, Vv3440, phòng tư liệu. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II. 1970;.
10. Ngõn NV. Kinh tế Việt Nam. Sài Gòn: Nhà xuất bản Cấp Tiến; 1972.
11. Nguyễn C. Vấn đề các khu kỹ nghệ tại Việt Nam [Luận văn tốt nghiệp]; 1970.

The organization and operation of Tay Do industrial zone under the Republic of Vietnam Regime (1968-1975)

Pham Thuc Son *



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

ABSTRACT

The Republic of Vietnam government issued the policy of developing industrial zones in 1963. After the Tet Mau Than incident in the Southwest region in 1968 and amid many difficulties, the Republic of Vietnam government established the Tay Do industrial zone in hopes of promoting comprehensive socio-economic development in the Southwest region in particular and in the Republic of Vietnam in general. The Republic of Vietnam government conducted surveys and selected a location for the construction of the Tay Do industrial zone. At the same time, it carried out land planning and clearance, and organized dialogues with industrialists and experts to develop a framework for the establishment of the Tay Do industrial zone. The organization and operation of the Tay Do industrial zone attracted a certain number of workers to companies and factories within the zone. Its construction also contributed to the development of infrastructure, thereby giving the Southwest region a new appearance. However, due to the escalating war and the government's reliance on foreign aid, the Tay Do industrial zone did not meet the expectations of the Republic of Vietnam government. Ultimately, the organization and operation of the Tay Do industrial zone showed that the policy of industrial zone development remained closely tied to the Republic of Vietnam government's political and strategic objectives.

Key words: Tay Do industrial zone, Sonadezi, Southwest, Republic of Vietnam

Thu Dau Mot University, Vietnam

Correspondence

Pham Thuc Son, Thu Dau Mot University, Vietnam

Email: sonpt@tdmu.edu.vn

History

- Received: 26-10-2024
- Revised: 31-12-2024
- Accepted: 13-6-2025
- Published Online: 06-11-2025

DOI :

<https://doi.org/10.32508/stdjssh.v9i4.1075>



Copyright

© VNUHCM Press. This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Cite this article : Son P T. **The organization and operation of Tay Do industrial zone under the Republic of Vietnam Regime (1968-1975).** *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.* 2025; 9(4)3164-3174.